

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 126

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Bún thái hải sản (mực, nghêu, tôm, cà chua, thơm, riềng, sả cây, ngò gai, hành lá, ngò rí, nước dừa tươi, húng quế)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá tai tượng kho tộ, hành baro
- Canh chua thịt gà, lá giang, đậu hũ non, hành lá, ngò rí, nấm kim châm
- Su su luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Súp thịt băm bắp hạt, khoai lang, nấm đông cô tươi, đậu hà lan tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	1,400	3,880	54,320
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,180	75,240
5	0004	Gạo tẻ máy	7,000	2,560	179,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,820	22,050
8	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
10	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	2,200	4,950	108,900
11	0632	Mực ống	600	36,650	219,900
12	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	1,200	6,300	75,600
13	0424	Tôm sú	600	30,980	185,880
14	0087	Cà chua	1,000	5,670	56,700
15	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
16	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
17	0537	Nước dừa non tươi	1,800	3,890	70,020
18	N0754	Sả cây	150	2,840	4,260
19	0226	Khóm (Dứa ta)	1,700	2,940	49,980
20	N5919	củ riềng	180	5,780	10,404
21	0186	Tỏi tây (cà lá)	400	8,610	34,440
22	0637	Cá tai tượng	6,400	14,280	913,920
23	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	700	8,066.7	56,467

24	N0847	Lá giang	800	14,490	115,920
25	N0965	Nấm kim châm	700	10,610	74,270
26	N0772	Thịt ức gà	1,100	12,920	142,120
27	0180	Su su	1,100	3,050	33,550
28	0649	Bột năng	1,400	4,637.5	64,925
29	0007	Ngô bắp tươi	900	3,990	35,910
30	0055	Đậu Hà lan (hạt)	250	63,420	158,550
31	0031	Khoai lang	1,000	4,100	41,000
32	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	350	22,050	77,175
33	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
34	N0770	Thịt nạc dăm	1,300	18,800	244,400
35	0457	Sữa bột toàn phần	3,832.68	20,500	785,699
36	0455	Sữa chua	6,300	9,440	594,720
Tổng cộng					4,662,000

Tổng tiền thực phẩm	4,662,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,662,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	104,710,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	104,709,998

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan